

NỖI ÁM ẢNH CÔ ĐƠN TRONG *NGƯỜI ĐẸP “SAY NGỦ”* VÀ “*TIẾNG RÈN CỦA NÚI*” CỦA YASUNARI KAWABATA

Đặng Hoàng Yến

Tóm tắt. Yasunari Kawabata (1899 - 1972) được đánh giá là một trong những gương mặt tiêu biểu cho nền văn học đương đại. Độc giả thế giới biết đến ông không chỉ bởi ông là người Nhật Bản đầu tiên đoạt giải Nobel văn học mà còn bởi các sáng tác của ông luôn mang đến cho người đọc cảm nhận sâu sắc về thân phận con người. Bài viết này tập trung phân tích những ám ảnh cô đơn của kiếp nhân sinh được thể hiện trong hai tác phẩm “Người đẹp say ngủ” và “Tiếng rên của núi”.

Từ khóa: Yasunari Kawabata, thân phận con người, nỗi ám ảnh cô đơn

Hơn nửa thế kỷ qua văn học Nhật Bản đã được dịch và giới thiệu ở Việt Nam, trong đó Y. Kawabata là tác giả nhận được sự quan tâm lớn của độc giả. Mặc dù văn của Y. Kawabata được xem là khó đọc ngay cả với người dân Nhật Bản nhưng những tác phẩm của ông luôn được người đọc và giới phê bình đánh giá cao. Với những sáng tác xuất sắc của mình, Y. Kawabata được xem là đỉnh cao của văn học Nhật Bản nửa đầu thế kỉ XX. Mặc dù vẫn tiếp thu những tiến bộ của văn học phương Tây nhưng với lòng kiêu hãnh của một con người “sinh ra bởi vẻ đẹp Nhật Bản” [3, tr. 961], văn chương của ông luôn được soi chiếu bởi những giá trị truyền thống của người Nhật. Có thể nói, trước dòng chảy mạnh mẽ của văn học hiện đại và sự ảnh hưởng sâu sắc của văn hóa, văn học phương Tây, Y. Kawabata vẫn luôn giữ được phong cách của riêng mình- một phong cách “hiện đại nhưng là kiểu hiện đại đậm chất Á Đông” [1, tr. 26].

1. Y. KAWABATA VÀ HÀNH TRÌNH SÁNG TẠO NGHỆ THUẬT

Sự nghiệp văn chương của Kawabata bắt đầu khá sớm. Khi còn là học sinh trung học, một số tác phẩm thơ ca và truyện ngắn của ông đã được xuất bản. Tuy văn chương không phải là sự lựa chọn ban đầu của ông, nhưng từ sau thành công của một số tác phẩm đầu tay, ông phát hiện ra mình có năng khiếu văn chương hơn là hội họa và ông đã thực sự thành công với lĩnh vực này. Tình yêu văn chương thấm đượm trong từng trang văn của ông. Đặc biệt với loại truyện rất ngắn mà ông gọi là truyện ngắn trong lòng bàn tay. Đây là thể loại mà Kawabata rất thích và được ông dành khá nhiều thời gian để sáng tác. Tuy dung lượng ngắn, thậm chí có tác phẩm chưa đến một trang nhưng mỗi tác phẩm là một trải nghiệm sâu sắc về con người và về vũ trụ. Đây là thể loại có nhiều đặc điểm gần gũi với thơ Haiku truyền thống của Nhật Bản. Ông giải thích: “Tuổi trẻ trong đời nhiều nhà văn thường dành cho thơ ca; còn tôi, thay vì thơ ca, tôi viết những tác phẩm nhỏ gọi là truyện ngắn trong lòng bàn tay... Hòn thơ những ngày trẻ tuổi của tôi sống sót trong những câu chuyện ấy...” [3, tr. 1078].

Năm 16 tuổi ông hoàn thành tác phẩm đầu tay *Nhật ký tuổi mười sáu*. Tác phẩm báo hiệu tài năng văn học xuất chúng của ông. Năm 21 tuổi, ông cùng bạn bè ở trường Đại học Tổng hợp

Tokyo sáng lập Tạp chí *Trào lưu mới* và truyện ngắn đầu tay *Lễ chiêu hồn* đăng trên tạp chí này đã nhận được sự khen ngợi của độc giả và giới nghiên cứu văn học.

Có thể nói, sự nghiệp viết văn của Kawabata gắn liền với quá trình tiếp nhận, đổi mới về xã hội và văn hoá của Nhật Bản. Với những tư tưởng tiên bộ của Minh Trị Thiên hoàng vào những năm cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX, nền văn hóa Nhật Bản đã có nhiều thay đổi. Từ chỗ tự biến mình thành “ốc đảo” giữa dòng chảy văn hóa của thế giới, Nhật Bản lúc này đã đề ra phương châm “Học hỏi phương Tây, đuổi kịp phương Tây, vượt lên phương Tây”. Chính sự thay đổi này đã tạo nên một cuộc cách tân mạnh mẽ trong nền văn hóa, văn học Nhật Bản. Văn học Nhật Bản không còn bị chi phối bởi những tư tưởng triết học phương Đông với những ràng buộc cứng nhắc mà giờ đây nó đã tiếp thu và đưa những tư tưởng tiên bộ của văn hóa phương Tây vào trong văn học làm thay đổi diện mạo của nền văn học Nhật Bản nói chung và thay đổi tư duy sáng tác của các nhà văn nói riêng. Giai đoạn Kawabata sáng tác văn chương chính là lúc các trào lưu văn học phương Tây, các khuynh hướng hiện đại được nước Nhật tiếp nhận một cách mạnh mẽ. Thời gian đầu Kawabata cũng có phần chịu ảnh hưởng của các trào lưu đó. Một số tác phẩm ra đời thời kỳ này mà tiêu biểu là *Vũ nữ Izu* được sáng tác theo chủ nghĩa duy cảm mới. Nhưng ngòi bút của ông không bị cảm dỗ bởi sự hào nhoáng, tân kỳ của một số khuynh hướng văn học hiện đại phương Tây. Bằng bản lĩnh của một nhà văn có nhiều kinh nghiệm trong sáng tác, ông luôn chọn cho mình một lối đi riêng mang đậm phong cách truyền thống. Trong các sáng tác của mình, ông luôn chủ trương giữ vững truyền thống mỹ học của dân tộc. Văn chương của Kawabata luôn “*bằng sự nhạy cảm lớn lao, đã biểu hiện tinh túy của tâm hồn Nhật Bản*” [4, tr. 960]. Ông nói: “*Bị lôi cuốn bởi những trào lưu hiện đại phương Tây, đôi lúc tôi cũng thử lấy đó làm mẫu. Nhưng về gốc rễ, tôi vẫn là người phương Đông và không bao giờ từ bỏ con đường ấy*” [4, tr. 13].

Kawabata luôn là người tiên phong trong công cuộc đổi mới văn học, ông đã từng tuyên bố “*Chúng ta đã hoàn toàn trở nên chán ngấy văn chương vì nó không thay đổi như mặt trời ngày hôm nay vẫn mọc chính xác ở hướng Đông như ngày hôm qua*” [1, tr. 24]. Đối với ông mỗi tác phẩm phải luôn là một khám phá mới, một đóng góp mới cho nền văn chương nhân loại. Kawabata được xem là bậc thầy trong nghệ thuật biểu cảm văn học. Các sáng tác của ông luôn mang đậm bản sắc văn hóa dân tộc. Nhờ văn chương của ông mà nhân loại có thể chạm đến cánh cửa vốn luôn được coi là bí hiểm và kín đáo của tâm hồn người Nhật. Trong sự nghiệp sáng tác của mình, ông đã tạo nên những tác phẩm xuất sắc có vai trò thúc đẩy sự phát triển của nền văn học Nhật Bản mà đỉnh cao là bộ ba tiểu thuyết *Xứ tuyết* (1947), *Ngàn cánh hạc* (1951) và *Cố đô* (1961).

Ngoài những tiểu thuyết đã được dịch ra nhiều thứ tiếng và phổ biến trên toàn thế giới kể trên, Kawabata còn khá nhiều tiểu thuyết khác cũng được các nhà phê bình đánh giá cao như *Hồng đoàn ở Asakusa*, *Cao thủ cờ Go*, *Cái hồ*, *Đẹp và buồn*, *Tiếng rền của núi...* Peter

Metevelis nhận xét: “*Truyện của Kawabata được thể hiện chủ yếu bởi tính trữ tình tinh tế về cái ít có và bởi những quan sát sắc sảo về cách ứng xử của con người*” [1, tr. 150].

Cuộc đời của Yasunari Kawabata là một bản nhạc trầm và buồn! Ông được bạn bè đánh giá là nhà văn sống khép kín, ít giao lưu với cuộc sống bên ngoài. Toàn bộ thời gian của mình ông dành cho việc sáng tác văn chương. Điều này góp phần lý giải tại sao Kawabata có thể hoàn thành một khối lượng tác phẩm lớn đến như vậy. Bằng những đóng góp xuất sắc của mình cho nền văn chương nhân loại, năm 1968, Yasunari Kawabata được xướng danh tại lễ trao giải Nobel văn học. Kể từ thời khắc ấy, độc giả thế giới đã thay đổi cách nhìn nhận đối với văn chương Nhật Bản nói riêng và văn chương Châu Á nói chung.

2. ÁM ẢNH VỀ NỖI CÔ ĐƠN TRONG *NGƯỜI ĐẸP SAY NGỦ* VÀ *TIẾNG RÈN CỦA NÚI*

Cảm thức cô đơn trong tiểu thuyết Kawabata dường như được phản chiếu từ chính cuộc sống thời thơ ấu và tuổi trẻ của ông. Chính những bi kịch tuổi thơ đã tác động mạnh mẽ đến tính cách cũng như các sáng tác của Kawabata. Các tác phẩm của ông đều mang vẻ u buồn, cô đơn như ông từng tự nói về mình: “*Không bao giờ tôi trút được ám ảnh rằng mình là một người lang thang u sầu. Luôn luôn mơ mộng tuy rằng chẳng bao giờ chìm đắm hoàn toàn trong mơ, mà vẫn luôn tỉnh thức giữa khi mơ...*” [3, tr.1072]. Sáng tác của ông thường có dung lượng không lớn và số lượng nhân vật ít, đặc biệt là tiểu thuyết *Người đẹp say ngủ* chỉ có 5 chương với số lượng nhân vật khá khiêm tốn. Mặc dù nội dung thường đơn giản, ít tình tiết nhưng tiểu thuyết của ông thường mang đến cho người đọc những cảm nhận sâu sắc về con người và những ám ảnh của kiếp nhân sinh: ám ảnh về nỗi cô đơn, tuổi già và cái chết.

2.1. *Người đẹp say ngủ* được Kawabata viết năm 1969 lúc ông đã 70 tuổi. Tác phẩm ra đời dựa trên một kịch bản sân khấu kabuki nhan đề *Những mỹ nữ của Eguchi* công diễn khoảng thế kỷ 17 ở Nhật Bản. Câu chuyện xoay quanh nhân vật Eguchi, một ông lão đã gần 70, ban đầu, vì hiếu kỳ đã bước chân đến ngôi nhà chứa hiện đại, nơi có những người đẹp đang mê ngủ. Ở đó, đối tượng thẩm mỹ của những ông già là những cô gái rất đẹp, trong trắng, độ tuổi chỉ mới mười tám đôi mươi, đã được gây mê bằng thuốc ngủ liều cao, hoàn toàn khóa thân trong tình trạng mất tri giác. Năm đêm trong căn nhà đó, bên cạnh những cô gái khác nhau với những vẻ đẹp khác nhau, ông già Eguchi đã hồi tưởng lại quá khứ của mình với những cuộc tình, với những hoài niệm của tuổi trẻ đã qua. Sức sống trên thân thể các thiếu nữ khiến cho những vị khách đang ở cái tuổi gần đất xa trời lại càng khát khao sống, khát khao được hoài xuân. Đặc biệt, Kawabata vô cùng tài tình khi miêu tả cảm thức cô đơn của nhân vật Eguchi khi nằm bên những người đẹp trẻ trung say ngủ, còn mình thì trần trọc bởi tuổi già đến gần: “*Một nỗi cô đơn buồn bã trào lên. Nhưng hơn cả nỗi cô đơn hay nỗi buồn rầu, chính là nỗi cô chiếc tuyệt vọng của tuổi già như thể đông lạnh hẳn trong ông*” [3, tr. 745]. Kawabata đã cố gắng khắc họa nhân vật Eguchi thành một

con người biết thưởng thức cái đẹp một cách thanh nhã nhằm đối lập lại trào lưu sáng tác thiên về những cảnh sinh hoạt thô tục giữa nam và nữ trong văn học Nhật Bản lúc bấy giờ. Ông dẫn dắt người đọc đi giữa cái thực và cái ảo một cách tinh tế, sắc sảo, khiến cho độc giả không có cảm giác đang tiếp xúc với một tác phẩm đầy dục tính mà chỉ cảm thấy mình đang được nhìn ngắm một bức tranh đẹp về các thiếu nữ ngủ mê, như Đào Thị Thu Hằng từng nhận xét: “*Tình dục trong Người đẹp say ngủ cũng như trong nhiều tác phẩm khác của Kawabata đã được nâng lên bằng con mắt duy mỹ và trở thành sắc dục, một thứ tình cảm không dung tục chút nào. Đó là sự rung động, thưởng thức, chiêm ngưỡng cái đẹp, sự trinh trắng của con người*” [4, tr. 1103].

Gabriel García Márquez nhà văn Columbia, người từng đoạt giải Nobel văn học vào năm 1992, rất thích *Người đẹp say ngủ*. Ông đánh giá nó là một trong những kiệt tác của nền văn học hiện đại. Dựa trên tác phẩm này, Márquez đã phóng tác một truyện ngắn mang tựa đề *Chuyến bay của người đẹp ngủ say*. Không những vậy, độc giả cũng có thể cảm nhận phong cách, hồn văn *Người đẹp say ngủ* trong tác phẩm *Hồi ức về những cô gái điếm buồn của tôi* của Gabriel García Márquez. Có thể nói *Người đẹp say ngủ* không gói gọn ảnh hưởng của nó trong phạm vi văn học Nhật Bản mà nó còn lan tỏa đến nền văn chương của nhiều nước trên thế giới.

2.2. Nếu như trong *Người đẹp say ngủ* Kawabata đặt nhân vật trong không gian của một lầu xanh trá hình để từ đó khắc họa rõ nét nội tâm nhân vật thì ở *Tiếng rền của núi* ông lại đặt nhân vật trong không gian của một gia đình với những mối quan hệ khá phức tạp giữa vợ- chồng, cha- con... Nhân vật chính của tác phẩm là lão già Singo, năm nay đã gần 70. Cuộc sống của ông, nhìn bên ngoài, có thể được coi là đáng mơ ước với nhiều người khi bên ông có bà vợ cần mẫn, thủy chung cùng hai đứa con 1 trai, 1 gái. Nhưng ông vẫn luôn “*cảm nhận thấy cái giá lạnh của cô đơn và thấy khao khát một chút ấm áp của tình người*” [3, tr. 458]. Ông già Singo cảm thấy cô đơn ngay chính trong căn nhà của mình. Ông cảm thấy mình không thể tâm sự hay chia sẻ bất cứ điều gì với một người vợ quá vô tâm. Cuộc sống vợ chồng của ông luôn tồn tại một khoảng cách không bao giờ phá bỏ được. Và chính hình ảnh hạt dẻ rơi xuống dòng suối vào đêm tân hôn của ông như một dự báo về cuộc sống êm đềm nhưng tẻ nhạt của hai con người cùng dành tình yêu thiết tha của mình cho một người thứ ba. Không những thế, hai đứa con ruột của ông, đứa con trai thì sống ích kỷ, phóng túng, vô trách nhiệm, còn đứa con gái thì luôn gắt gỏng, nanh nọc và luôn tỏ thái độ bất chấp trong hôn nhân. Ông cảm thấy trong gia đình không ai hiểu mình, ngoại trừ cô con dâu Kikuco hiền lành, ngoan ngoãn- người mà ông luôn dành một tình cảm sâu sắc, đặc biệt. Kikuco là một phụ nữ xinh đẹp, dịu dàng và có cái vẻ ngây thơ của một cô gái mới trưởng thành. Nàng luôn sống cam chịu trước một người chồng thiếu trách nhiệm và hết sức trắng hoa. Những đau khổ, buồn tủi của nàng đều được bố chồng nàng quan tâm, chia sẻ. Trong căn nhà ấy, hai tâm hồn cô đơn luôn nương tựa vào nhau, không biết tự bao giờ người này trở thành động lực sống của người kia. Kikuco chính là điển hình của phụ nữ Nhật Bản lúc bấy giờ: luôn nhẫn nhục, hi sinh và giàu lòng vị tha.

2.3. Các sáng tác của Kawabata dù ở thể loại nào cũng đều tập trung vào 3 cảm hứng chủ đạo: Thứ nhất, đó là những bản tình ca về quê hương đất nước, về tình yêu thiên nhiên; Thứ hai là cảm hứng về cái đẹp của người phụ nữ và quá trình tìm kiếm vẻ đẹp truyền thống đã bị đánh mất; Thứ ba, những tác phẩm viết về thân phận con người, đặc biệt là những ám ảnh cô đơn của con người trong kiếp hiện sinh. Dù viết về đề tài nào, Kawabata cũng có những tác phẩm xuất sắc. Tuy nhiên nếu khảo sát kỹ các sáng tác của ông, chúng ta sẽ thấy vấn đề thân phận con người luôn là một trăn trở lớn của Kawabata. *Tiếng rên của núi* và *Người đẹp say ngủ* là hai tác phẩm tuy viết trong khoảng thời gian khác nhau nhưng cả hai đều thành công nhờ sự khắc họa nội tâm sâu sắc của nhân vật. Đây có lẽ cũng chính là điểm nổi bật nhất trong các sáng tác của Kawabata. Các nhân vật của ông luôn cảm thấy cô đơn, cô đơn đến cùng cực trong không gian mình đang sống.

2.3.1. Cảm thức cô đơn đến với nhân vật, đầu tiên, đó chính là lúc họ đối diện với tuổi già và cái chết. Cũng giống như nhân vật Eguchi, dù tuổi đã ngoài 60 nhưng Singo vẫn không ngừng đi tìm ý nghĩa của sự sống, cố gắng níu kéo tuổi trẻ, mặc cho cái tuổi già đang đến với mình. Nhưng càng nỗ lực, họ lại càng rơi vào bi kịch của chính mình. Eguchi tìm đến ngôi nhà nơi có những người đẹp ngủ mê để chứng minh bản tính đàn ông còn sót lại trong thân hình của một lão già gần 70, thế nhưng chính khoảnh khắc ấy, ý niệm tuổi già lại bủa vây lấy ông “*Những ý tưởng buồn bã chiếm cứ đầu óc ông, ngay lúc ông bước vào cuộc phiêu lưu*”... và ông chợt nhận ra, phải chăng mục đích của ông đến đây là để “*tìm cho ra, tìm đến mức điểm tận cùng của nỗi ghê sợ tuổi già?*” [4, tr. 741]. Ông bước vào thế giới dành riêng cho những người già hầu mong tìm được niềm vui cho chính mình. Thế nhưng trong không gian mà ông đang độc chiếm ấy, niềm vui dường như cũng đang còn cách xa ông. Niềm vui đang nằm im lìm ở đó và quay lưng lại với ông, để mặc ông một mình đối diện với tuổi già và sự bất lực. Chủ ý đặt cái già nua của nhân vật bên cạnh sức xuân tươi trẻ của các cô gái càng tăng thêm sự đau khổ, dằn vặt của nhân vật chính. Đây chính là sự tài tình trong bút pháp của Kawabata.

Nhân vật Singo trong *Tiếng rên của núi* cũng vậy. Ý thức đầu tiên về tuổi già của ông chính là sự suy giảm về trí nhớ. Ông có thể quên ngay những sự việc vừa mới xảy ra với mình. Và Kawabata đã không để một ai khác phát hiện ra bệnh đãng trí của Singo mà ông để cho chính nhân vật của mình tự điếm tên chỉ mặt sự việc này. Nhân vật tự phát hiện dấu hiệu và tự đi đến kết luận về cái sự già nua đó. Còn gì xót xa hơn khi ta tự tìm thấy bi kịch của chính mình? Nhưng đây vẫn chưa phải là điều ám ảnh tâm thức ông. Ông luôn bị ám ảnh bởi cái chết của những người bạn già và ông thấy dường như người mà thần chết gọi tên tiếp theo chính là mình. Chính nỗi sợ hãi đó khiến Singo luôn vật lộn bởi những giấc mơ kỳ quái và giữa không gian hư thực ấy ông lại nghe thấy tiếng gọi tên mình từ nơi xa xăm nào đó hiện về. Kawabata quả là bậc thầy trong nghệ thuật miêu tả nội tâm nhân vật. Bao giờ cũng vậy, nhân vật luôn được đặt trong

một khung cảnh thiên nhiên cụ thể để từ đó khắc họa rõ nét tâm trạng của nhân vật. Trong *Tiếng rên của núi* không có nhiều đoạn tả cảnh. Nhưng những phân đoạn miêu tả thiên nhiên dù ít, cũng đủ khiến độc giả cảm thấy đang bị đưa vào một không gian hết sức bức bối, ngột ngạt. Những đám mây u ám, kỳ quái. Ngọn núi sau nhà phát lên những âm thanh rên rỉ, náo nê có khi nghe như tiếng thở dài có khi lại nghe như con hấp hối của một con người trước giờ phút lâm chung. Thiên nhiên u buồn bởi vì nó đang đồng cảm với nhân vật hay chính nỗi u buồn của nhân vật Singo đang thấm đẫm vào thiên nhiên? Eguchi và Singo đều đang ở cùng độ tuổi “cổ lai hi” và họ đều sống trong một thế giới bị ngăn cách bởi chính sự cô đơn. Trong quá trình tồn tại, họ luôn phải tự tìm cách khỏa lấp những trống trải hiện hữu, tự tìm cách chữa lành những vết thương tinh thần do tuổi già gây ra. Càng đối diện với tuổi già, họ lại càng thấy yêu cuộc sống, khát khao được sống, khao khát níu giữ tuổi trẻ của mình, như hình ảnh ông bạn già Kitamoto nhổ tóc bạc: “*Không có việc gì làm nên lão suốt ngày nhổ tóc bạc để giết thì giờ. Người nhà không để ý lắm đến việc đó vì cũng muốn cho lão được thoải mái. Nhưng dần dà Kitamoto không rời cái gương ra nữa - lão muốn nhổ kỳ hết tóc bạc, nhưng nhổ sợi này thì sợi khác lại mọc ra... Cứ thế suốt ngày lão đứng trước gương*” [3, tr. 481]. Kitamoto đang cố gắng chối bỏ những dấu hiệu của tuổi già như chối bỏ sự hiện diện của thần chết. Bao giờ cũng vậy, cái chết khiến con người ta bị ám ảnh bởi những niềm bi cảm xuất phát từ sự mất mát. Trong *Người đẹp say ngủ*, nỗi ám ảnh này như càng nặng nề hơn, sâu não hơn khi Kawabata để cho một con người đang ở tuổi gần đất xa trời chứng kiến cái chết của cái đẹp đang độ mãn khai. Cô gái tràn đầy sức sống nhất trong năm cô gái mà ông già Eguchi biết khi qua đêm ở lầu xanh lại là cô gái đã chết trong khi ngủ. Trong một không gian mà ở đó, thời gian dường như đang ngưng lại, hiện ra hai con người đối lập: một lão già đang ở giai đoạn sức tàn lực kiệt nằm bên cạnh một cô gái trẻ trung, căng tràn sức sống và xót xa thay, cái chết lại đến với người con gái đang trong thời kỳ xuân sắc nhất.

2.3.2. Với việc sử dụng nghệ thuật đối lập về không gian và thời gian, nhân vật của Kawabata dường như đang bị co lại giữa sự phong tỏa của ký ức, của khát vọng. Điều này thể hiện rất rõ trong *Người đẹp say ngủ*. Nhân vật Eguchi khi thấy hình ảnh của các thiếu nữ trong ngôi nhà chứa hiện đại ấy lại trở về với những kỷ niệm của mối tình ngày trước, những khát vọng của tuổi trẻ thuở xa xưa. Và cũng chính lúc này, ý thức về tuổi già lại hiện hữu rõ rệt trong ông “*Sự ghê sợ tuổi già đè nặng con người ông. Ông biết mình đang tiến gần cái hoàn cảnh ám đạm, buồn thảm của những khách hàng già nua khác*” [4, tr. 752]. Không gian mà Eguchi chọn để hóa giải nỗi cô đơn của mình là một không gian trong đó cái đẹp đang được hiện hữu một cách rõ nét nhất: một vẻ đẹp gần như toàn vẹn cả về thể xác lẫn tâm hồn. Thế nhưng ông nhận lại được những gì? Chỉ là một khoảng không trống trải trong tâm hồn cùng với một sự im lặng đến ghê người. Quanh ông chỉ có tiếng thở khe khẽ của những mỹ nữ và hình ảnh tấm màn nhung màu thẫm đang đung đưa như đang muốn tăng thêm sự u ám, lạnh lẽo của không gian này. Giữa

ông và cái đẹp mà ông đang đối diện, chỉ là hai mảnh vỡ song song, không hề có sự giao cảm hay đối thoại. Một bên đã được người ta cho uống thứ thuốc để chìm vào giấc ngủ say, không còn biết được những gì đang xảy ra xung quanh mình và một bên, đã nhận được “mật lệnh” tuyệt đối không được làm điều gì ảnh hưởng đến các cô gái. Cả hai tuy chưa từng gặp nhau cũng chưa từng giao hẹn nhưng mỗi người vẫn đang chấp hành đúng “nghĩa vụ” của mình. Bởi thế, tuy đến đây để quên đi nỗi cô đơn của tuổi già, nhưng khi đối diện với cái đẹp đã bị rơi vào trạng thái vô thức thì “*nỗi buồn rầu chán ngắt của tuổi già đã xâm chiếm cõi lòng ông*” [4, tr. 752]. Để trốn tránh nỗi cô đơn của tuổi già, Eguchi tìm đến cái đẹp như một phương thức để xoa dịu tâm hồn mình, nhưng xót xa thay, chính lúc ông đối diện gần nhất với cái đẹp cũng chính là lúc ông nhìn thấy bi kịch của bản thân một cách sâu sắc nhất, bởi cái đẹp đang hiện hữu rất gần nhưng cũng rất xa tầm tay của ông.

Khác với Eguchi, không gian mà nhân vật Singo hoạt động rộng hơn. Nếu như cảm thức cô đơn của Eguchi bị cô đặc trong không gian mờ tối, lạnh lẽo của một nhà chứa hiện đại thì nỗi cô đơn của lão già Singo lại được xây dựng dựa trên những mối quan hệ gia đình và xã hội. Do đó diễn biến tâm lý của nhân vật Singo cũng phức tạp hơn. Trong khi xây dựng nhân vật Singo, tác giả không cố gắng tập trung khắc họa một con người đang ở cái tuổi gần đất xa trời, nhàn rỗi, đơn độc như nhân vật Eguchi mà bằng ngòi bút tinh tế của mình, ông khiến độc giả phải đối diện với những khoảnh khắc cô độc của nhân vật ngay cả lúc nhân vật đang hoạt động. Singo hiện vẫn là ông chủ của một công ty lớn, là trụ cột của một gia đình 3 thế hệ với 8 thành viên. Xét về phương diện xã hội, đó được xem như là một sự hoàn chỉnh về các mối quan hệ của một cá nhân. Thế nhưng, cũng chính từ trong các mối quan hệ ấy, nhân vật cảm thấy mình lạc lõng, lúc nào ông cũng có cảm giác cô độc, ngay cả lúc ông đang đối thoại với những thành viên trong gia đình. Những hoài niệm quá khứ không thôi dẫn dắt ông. Nếu như Eguchi nhìn những thiếu nữ ngủ mê và nhớ về những mối tình của mình thì Singo không lúc nào nguôi nỗi nhớ về người chị của vợ- người mà ông thâm thương trộm nhớ thuở trai trẻ. Hình ảnh người chị và mối tình si thuở thanh niên vẫn mãi đeo đuổi tâm trí ông. Tâm trạng u buồn của Singo bắt đầu từ quá khứ và kéo dài mãi cho đến hiện tại. Kết hôn với người em chỉ là phương thức để viết tiếp những giấc mơ về người chị, để rồi từ đó vết thương lòng không những được vơi đi mà theo thời gian, nó ngày càng trở nên nghiêm trọng khiến cho thân xác ông tuy ở đây nhưng tâm hồn và lý trí thì đang ở một nơi rất xa thực tại. Vết thương tinh thần này chỉ được hóa giải khi ông được tiếp xúc, nói chuyện với đứa con dâu ngây thơ, hiền lành của mình. “*Đối với ông, Kikuko như một ô cửa sổ mà qua đó ông nhìn ra ngoài cuộc đời từ trong ngôi nhà buồn tẻ của mình. Các con đẻ của ông - máu và thịt của ông, thì lại không được như ông hằng mong muốn. (...) Người con dâu trẻ đã làm niềm an ủi duy nhất đối với Singo. Tình thương yêu dành cho cô là một tia sáng trong sự cô đơn buồn khổ của ông, thông qua nó, ông muốn làm cho cuộc sống của chính mình được tốt hơn*” [3, tr. 453]. Cô con dâu trở thành niềm vui sống, là điểm tựa về mặt tinh thần cho ông trong

khoảng thời gian đối diện với tuổi già đơn độc. Với ông, Kikuco là hiện thân của khát vọng về mối tình đã qua. Trong nỗi cô đơn của mình, ông tìm thấy ngọn lửa yêu thương trong hình bóng của cô con dâu.

Tuy cảm xúc khi đứng trước cái đẹp của Eguchi và Singo có khác nhau nhưng cả hai đều nuôi dưỡng tâm hồn mình bằng những hoài niệm của tuổi thanh xuân, về những rung động trong tình yêu, bằng những cảm xúc thân xác của một thời đã qua. Bên cạnh họ vẫn tồn tại những mối quan hệ của gia đình, thế nhưng những người đó không ai có thể chạm tới những ngõ sâu tâm hồn của họ. Mỗi người mang trong lòng những tổn thương riêng nhưng phương thức mà họ sử dụng để xoa dịu vết thương là lần tìm về quá khứ. Với họ, tuổi trẻ tươi đẹp trở thành một thứ dưỡng chất nuôi dưỡng tâm hồn, là lý do để họ tồn tại trong cuộc đời này. Trong diễn văn giới thiệu về Kawabata tại lễ trao giải Nobel văn học, Anders Sterling đã viết: “*Ông là kẻ tôn thờ cái đẹp mong manh và ngôn ngữ hình ảnh u buồn của hiện hữu trong cuộc sống của thiên nhiên và thân phận con người*” [4, tr. 958].

Khát vọng đi tìm cái đẹp trong quá khứ không chỉ dừng lại ở một cái nhìn mang tính thẩm mỹ cá nhân mà đối với Kawabata đó còn là khát vọng tìm lại hồn văn của dân tộc. Thời gian ông cầm bút sáng tác cũng chính là lúc nền văn hóa, văn học phương Tây đang tràn vào Nhật Bản. Các nhà văn của Nhật Bản nhanh chóng chạy theo lối viết Tây hóa mà quên đi việc bảo vệ những giá trị truyền thống của Nhật Bản. Chính vì thế trong các sáng tác của mình, ông luôn thể hiện sự khác biệt của một con người đang tìm về quá khứ. Con người ấy đang trên lộ trình tìm về cái đẹp của bản sắc và ra sức gìn giữ nó trước sự xâm thực của làn sóng văn hoá. Ông luôn miệt mài trên hành trình đi tìm cái đẹp truyền thống của Nhật Bản và cố công gìn giữ nó trước nguy cơ xâm thực của làn sóng văn hóa và lối sống phương Tây của con người Nhật Bản hiện đại. Tuy nhiên đó là một hành trình gian khó, thâm lặng và cũng hết sức đơn độc.

2.3.3. Để chối bỏ thực tại, các nhân vật trong *Người đẹp say ngủ* và *Tiếng rên của núi* luôn xây cho mình những bức tường vô hình để tách mình tránh xa cái thế giới bên ngoài luôn khiến họ có cảm giác cô đơn, lạc lõng. Trong tác phẩm *Trăm năm cô đơn*, Marquez đã cho rằng “cô đơn là mặt trái của tự do”. Điều này rất đúng với nhân vật của Kawabata. Mỗi người đều tìm cách chui vào vỏ bọc của mình để khỏi tiếp xúc với thế giới xung quanh. Trong thế giới của riêng mình họ tìm thấy niềm vui sống hơn là đối diện với thực tại cô quạnh do tuổi già mang đến. Trong *Tiếng rên của núi*, hiếm hoi lắm độc giả mới thấy có một cuộc trò chuyện thân mật giữa ba mẹ và con cái hoặc giữa những nhân vật với nhau. Và những mẫu đối thoại ấy lại thường chứa đựng nhiều khoảng lặng, nơi mỗi người vẫn đeo đuổi những ý nghĩ của riêng mình. Thậm chí, nếu không có những kết nối, dẫn dắt của người kể chuyện, những phát ngôn của nhân vật cũng sẽ lần lượt bị triệt tiêu.

Nhìn một cách tổng quát, hầu như tác phẩm nào của Kawabata cũng thấp thoáng những nhân vật cô đơn như Nàng Komado luôn u buồn, cô đơn trong tình yêu sâu đậm với anh chàng Shimamura đa tình (*Xứ tuyết*), Phumico sống trong dằn vặt, đau khổ vì một mối tình tuyệt vọng với chàng thanh niên Kikuzi (*Ngàn cánh hạc*) hay nàng Chieko, mặc dù sống trong một gia đình khá giả với tình yêu thương của bố mẹ nuôi nhưng vẫn luôn bị dày vò bởi suy nghĩ về thân phận thực của mình (*Cố đô*)... Có thể nói, cảm hứng cô đơn và nỗi buồn là cảm hứng xuyên suốt trong toàn bộ sáng tác của ông. Kể cả khi ông viết về tình yêu thiên nhiên, đất nước thì bức tranh thiên nhiên của ông tuy đẹp nhưng bao giờ cũng thấm đượm một nỗi buồn. Chính cuộc sống cá nhân và bi kịch thời đại đã ảnh hưởng sâu sắc đến cảm quan nghệ thuật của Kawabata và bám riết lấy ông trên hành trình sáng tạo văn chương.

3. KẾT LUẬN

Cảm thức cô đơn luôn lặp đi lặp lại trong *Người đẹp say ngủ* và *Tiếng rền của núi*, nó trở thành nỗi ám ảnh không chỉ đối với tác giả mà ngay cả với người đọc. Cảm giác cô đơn, u buồn trước cuộc sống hiện tại và sự nỗ lực đi tìm cái đẹp đã mất là đề tài được lặp đi lặp lại trong các sáng tác của Kawabata nói chung và trở thành tín hiệu thẩm mỹ nhằm khu biệt tác phẩm của Kawabata trong nền văn chương đương đại thế giới.

Đọc tiểu thuyết của Kawabata, mọi người đều cảm nhận thi pháp tiểu thuyết của ông rất gần gũi với thi pháp thơ Haiku. Chính Kawabata đã nói: "*Tác phẩm của tôi thường được tả như là tác phẩm chân không*" [4, tr.14]. Chính sự ảnh hưởng này đã quy định rõ nét phong cách viết văn của Kawabata. Thơ Haiku vốn ngắn gọn, cô đọng, hàm súc. Và tiểu thuyết Kawabata cũng vậy. Ngắn gọn về dung lượng, không xây dựng theo kiểu tiểu thuyết thiên về các tình tiết với những xung đột theo kiểu thắt nút, mở nút mà văn phong của ông êm đềm, dịu nhẹ nhưng giá trị mà nó mang lại vô cùng sâu sắc. Bản thân Kawabata ngoài khả năng văn chương ông còn có năng khiếu về hội họa, vì vậy mà độc giả có thể cảm nhận được bức tranh thiên nhiên tuyệt đẹp và vô cùng sống động trong mỗi sáng tác của ông. Mỗi bức tranh thiên nhiên đều gắn liền với một tính cách, một số phận con người và nó trở thành công cụ để Kawabata khắc họa thành công tâm lý nhân vật.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Đào Thị Thu Hằng (2005), *Yasunari Kawabata giữa dòng chảy Đông - Tây*, Tạp chí Văn học số 7.
- [2] Nhiều tác giả (1998), *Văn học Nhật Bản*, Trung tâm khoa học xã hội và nhân văn.
- [3] *Yasunari Kawabata- Tuyển tập tác phẩm*, NXB Lao động, Trung tâm văn hóa Ngôn ngữ Đông Tây.
- [4] *Yasunari Kawabata- Cuộc đời và tác phẩm* (1997), NXB Giáo dục.

